

Họ và tên :

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - Năm học 2021 - 2022

Môn Toán - Lớp 2

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. $100 - 36 = \dots$ Số cần điền vào chỗ trống là:

- A. 46 B. 54 C. 64 D. 74

Câu 2. Tổng của 35 và 25 là:

- A. 60 B. 50 C. 70 D. 40

Câu 3. Hiệu của 65 và 20 là:

- A. 40 B. 45 C. 55 D. 35

Câu 4. Số liền sau của số tròn chục nhỏ nhất là:

- A. 9 B. 10 C. 11 D. 8

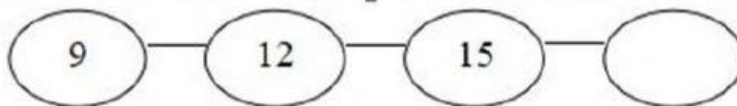
Câu 5. Dãy số được viết theo thứ tự tăng dần là:

- A. 91; 57; 58; 73; 24 B. 57; 58; 91; 73; 24
C. 57; 58; 24; 73; 91 D. 24; 57; 58; 73; 91

Câu 6. $2\text{dm}2\text{cm} = \dots\dots$ Số cần điền vào chỗ trống là:

- A. 22cm B. 22 dm C. 22 m D. 22kg

Câu 7. Điền số thích hợp vào ô trống.



Số cần điền vào ô trống là:

- A. 18 B. 20 C. 19 D. 16

Câu 8. Số có 2 chữ số mà tổng hai chữ số bằng 8 và hiệu hai chữ số bằng 0 là:

- A. 80 B. 40 C. 44 D. 48

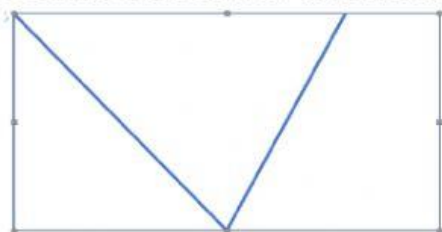
Câu 9. Lan hái được 24 bông hoa, Liên hái được nhiều hơn Lan 16 bông hoa. Liên hái được số bông hoa là:

A. 8 bông hoa B. 39 bông hoa C. 40 bông hoa D. 18 bông hoa

Câu 10. Cô giáo có 23 cái khẩu trang, cô đã phát cho các bạn 8 cái. Hỏi cô giáo còn lại bao nhiêu cái khẩu trang?

A. 18 cái khẩu trang B. 31 cái khẩu trang
C. 15 cái khẩu trang D. 16 cái khẩu trang

Câu 11. Hình dưới có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 4 B. 5 C. 2 D. 3

Câu 12. Số 67 gồm:

A. 6 và 7 B. 6 chục và 7 đơn vị
C. 7 chục và 6 đơn vị D. 60 chục và 7 đơn vị

Câu 13. Trong phép trừ: $56 - 23 = 33$, số 56 gọi là:

A. Số hạng B. Hiệu C. Số trừ D. Số bị trừ

Câu 14. Người ta dùng đơn vị đo nào chỉ mức độ nặng hay nhẹ của các vật?

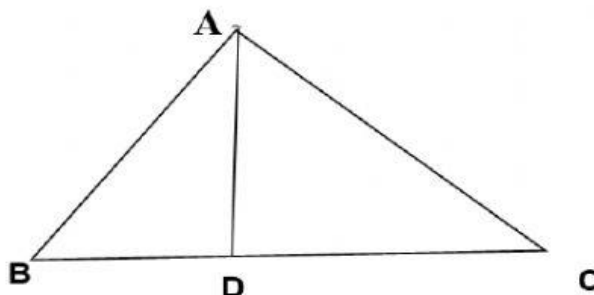
A. Lít B. Xăng-ti-mét C. Ki-lô-gam D. Đề xi mét

Câu 15. Kết quả của dãy tính $37 + 63 - 49$ là:

A. 50 B. 51 C. 100 D. 61

Câu 16. Hình vẽ bên có ba điểm nào thẳng hàng ?

A. Ba điểm B, D, C
B. Ba điểm A, B, D
C. Ba điểm A, B, C
D. Ba điểm A, D, C



Câu 17. $43 - 17 = \dots\dots$ Số cần điền vào chỗ trống là:

A. 28

B. 60

C. 36

D. 26

Câu 18. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $55 + 7 \dots 62$ là :

A. $>$

B. $<$

C. $=$

Câu 19. Con cá cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam ?



A. 1 kg

B. 2kg

C. 3kg

D. 4kg

Câu 20. Cho dãy số sau : 54 ; 47 ; 12 ; 85. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất là :

A. 73

B. 97

C. 66

D. 85